

Số: 5118/QĐ - UBND

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Gia Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2017; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Gia Lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2017; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5824/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** 1. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Gia Lâm là: 14 công trình, dự án; diện tích là: 34,91 ha (Phụ lục kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2017, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch SD đất năm 2017 (ha)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>5.842,49</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.692,89
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.264,76</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.738,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	800,52

1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	27,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	224,37
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	359,38
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.761,76</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	94,39
2.2	Đất an ninh	CAN	3,63
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	39,01
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	75,09
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,86
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	368,87
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.719,85
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>3,48</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,66</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>151,77</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>49,49</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>1,89</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>-</i>
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>999,61</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>485,81</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,73</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,92</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>14,49</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,36
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	14,90
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.395,99
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	558,23
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,21
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,06
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	108,71

	tầng		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	10,90
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,24
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,06
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	25,22
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	860,11
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	341,19
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17,03
2.27	Đất công trình công cộng khác	DCK	13,77
2.28	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,26
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>67</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	67

3. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

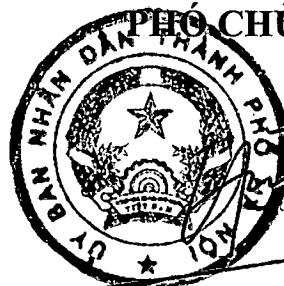
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận :**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Phạm Chí Công, P.ĐT;
- Lưu VT.

2/15/17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Hùng**

**DANH MỤC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN GIA LÂM**  
(kèm theo Quyết định số **5118/QĐ-UBND** ngày **31 / 7 /2017** của UBND Thành phố)

STT	Danh mục công trình dự án	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Trong đó		Vị trí thực hiện dự án (thôn, xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					LUC	Dự án phải thực hiện thu hồi đất			
<b>I. Các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng</b>									
<b>1. Các dự án được phê duyệt trong Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 của HĐND Thành phố Hà Nội</b>									
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: Trung Mầu 1, 2, 3, 4, 5; xã Trung Mầu	DGT	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	0,97		0,97	Xã Trung Mầu	Quyết định số 9306/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt BCKTKT công trình	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Thịnh Liên, xã Trung Mầu	DGT	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	1,08		1,08	Xã Trung Mầu	Quyết định số 9307/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt BCKTKT công trình	
3	Xây dựng trường Mầm non Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGD	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	0,15	0,15	0,15	Xã Phù Đồng	Quyết định số 7611/QĐ-UBND ngày 06/09/2016 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt dự án đầu tư; Đã được PD QH TMB 1/500	
4	Xây dựng nhà văn hóa các thôn: Yên Khê, Yên Thường, Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DVH	Ban QLDA đầu tư xây dựng	0,21		0,21	Xã Yên Thường	Quyết định số 7862/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 phê duyệt chủ trương đầu tư; Đã phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng	
5	Xây dựng Nhà văn hóa tại các xã Cổ Bi (thôn Cam, thôn Vàng); xã Kim Sơn (thôn Linh Quy Đông, tổ dân phố đường 181); xã Lệ Chi (thôn Chi Nam); xã Yên Viên (thôn Yên Viên); xã Kiều Kỵ (thôn Trung Dương)	DVH	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	2,61	0,72	2,61	Xã Cổ Bi	UBND huyện Gia Lâm phê duyệt chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 09/6/2016; Quyết định số 8762/QĐ-UBND ngày 18/10/2016; Quyết định số 11470/QĐ-UBND ngày 26/12/2016; Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	

STT	Danh mục công trình dự án	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Trong đó		Vị trí thực hiện dự án (thôn, xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					LUC	Dự án phải thực hiện thu hồi đất			
6	GPMB, san nền sơ bộ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu X2 xã Đình Xuyên	ONT	UBND Huyện	1,30	1,30	1,30	Thôn Tế Xuyên, Xã Đình Xuyên	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; UBND Huyện chấp thuận bản vẽ Quy hoạch TMB ngày 25/4/2017;	
7	GPMB, san nền sơ bộ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu X3 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	ONT	UBND Huyện	2,70	2,70	2,70	Thôn Trùng Quán, Xã Yên Thường	Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; UBND Huyện chấp thuận bản vẽ Quy hoạch TMB ngày 25/4/2017;	
8	GPMB, san nền sơ bộ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu X4 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	ONT	UBND Huyện	2,60	2,60	2,60	Thôn Trùng Quán, Xã Yên Thường	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; UBND Huyện chấp thuận bản vẽ Quy hoạch TMB ngày 25/4/2017;	
9	GPMB, san nền sơ bộ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu X5 thôn Quy Mông, xã Yên Thường	ONT	UBND Huyện	2,60	2,60	2,60	Thôn Quy Mông, Xã Yên Thường	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; UBND Huyện chấp thuận bản vẽ Quy hoạch TMB ngày 25/4/2017;	
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ kết xã Kim Lan	ONT	Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm	1,050		1,050	Thôn 1, thôn 3, thôn 4, thôn 6, thôn 7, thôn 8, xã Kim Lan	Quyết định 9299/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Đã phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng 1/500	
11	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kết thôn Vàng, khu Hồ Voi xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.	ONT	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	0,36		0,36	Thôn Vàng, khu Hồ Voi xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm.	Quyết định số 4861/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt BCKTKT; Đã phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng 1/500	
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí TQ5, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	ODT	UBND huyện Gia Lâm	18,73	18,73	18,73	Thị trấn Trâu Quỳ	QĐ số 1345/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND Huyện v/v PD QHCT 1/500; Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư;	

## II. Các dự án không thu hồi đất, không chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

STT	Danh mục công trình dự án	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Trong đó		Vị trí thực hiện dự án (thôn, xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					LUC	Dự án phải thực hiện thu hồi đất			
13	Cửa hàng xăng dầu Đa Tồn	DNL	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Minh Phát	0,13			xã Đa Tồn	Quyết định chủ trương đầu tư số 7269/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND Thành phố	
14	Cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm	TMD	Công ty TNHH Thương mại Minh Thanh	0,42				Quyết định chủ trương đầu tư số 3661/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND Thành phố	
<b>Tổng</b>				<b>34,91</b>	<b>28,80</b>	<b>34,36</b>			